

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban điều hành | 2 - 6 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 7 - 8 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 9 - 12 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 13 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 14 - 15 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 16 - 45 |
| 8. Phụ lục | 46 |

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất được chuyển đổi từ Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (Công ty dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam được thành lập theo Quyết định số 1040/QĐ-TCTCHKMN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000177, đăng ký lại lần thứ 01 ngày 02 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp) theo Quyết định số 22/QĐ-TCTCHKMN ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301123125, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 26 tháng 11 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 887.000.000.000 VND.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm: 1.202.352.122.804 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.8) 38.448358

Fax : (84.8) 38.447812

E-mail : sasco@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 0301123125

Các đơn vị phụ thuộc, chi nhánh:

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ

Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Phòng kinh doanh hàng miễn thuế

Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc

Số 379, Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị Trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội

74 Tây Sơn (tầng 3), phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý, văn hóa phẩm (có nội dung được phép lưu hành); Nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); Hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; Xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (không hoạt động tại trụ sở); Máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công - nông - ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng cá nhân và gia đình; Sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); Xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết: Dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh.
- Chuyển phát, chi tiết: Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt), chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt.
- Đại lý du lịch.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, chi tiết: Khai thác, chế biến bùn khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở).
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở).
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Đại lý môi giới, đấu giá, chi tiết: môi giới thương mại.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thẩm tra thiết kế công trình; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng; Quản lý dự án; Thẩm tra dự án đầu tư; Lập dự toán và tổng dự toán công trình.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Nhà hàng; Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay; Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng.
- Điều hành tua du lịch, chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (không hoạt động tại TP. Hồ Chí Minh); Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhíp điện.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.
- Sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở).
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy.
- Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông.
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Môi giới hàng hải; Dịch vụ làm thủ tục hải quan; dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải; Dịch vụ hoa tiêu xe ô tô; Kéo xe bị hỏng; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa; Đại lý vé máy bay; Kinh doanh khai thác bến cảng; Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, cung cấp dịch vụ hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Vận tải đường ống (không hoạt động tại trụ sở).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Công văn số 12348/BGTVT-QLDN ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty là 1.989.664.645.727 VND theo Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty tăng từ 887.000.000 VND lên 1.313.271.893.589 VND. Các số liệu do xác định lại giá trị doanh nghiệp đều đã được ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2014, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thành công ty cổ phần. Theo đó, cổ phần phát hành lần đầu là 1.315.000.000.000 VND tương đương 131.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND; cổ phần nhà nước là 67.065.000 cổ phần, chiếm 51,00% vốn điều lệ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 45).

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2014 theo hướng dẫn tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

| | Số tiền (VND) |
|--|----------------|
| Trích thưởng viên chức quản lý | 258.937.500 |
| Trích quỹ khen thưởng | 35.470.405.136 |
| Trích quỹ phúc lợi | 23.646.936.758 |
| Nộp lợi nhuận và các quỹ về Công ty mẹ | 52.397.872.960 |

Đồng thời, trong năm Công ty cũng đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với số tiền là 2.943.215.032 VND và phải nộp lợi nhuận và các quỹ của các năm trước về Công ty mẹ với số tiền là 21.711.479.752 VND.

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301123125 đăng ký thay đổi lần 06 về việc chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thành Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất với vốn điều lệ là 1.315.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban điều hành Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Danh | Chủ tịch kiêm Giám đốc | 08 tháng 6 năm 2010 | 13 tháng 11 năm 2014 |
| Bà Đoàn Thị Mai Hương | Phó Giám đốc | 08 tháng 6 năm 2010 | 12 tháng 11 năm 2014 |
| | Chủ tịch kiêm Giám đốc | 12 tháng 11 năm 2014 | - |
| Ông Lê Chí Công | Phó Giám đốc | 08 tháng 6 năm 2010 | - |
| Ông Nguyễn Văn Hùng Cường | Kế toán trưởng | 08 tháng 6 năm 2010 | - |
| Bà Võ Việt Trinh | Kiểm soát viên | 08 tháng 6 năm 2010 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.


Thay mặt Ban điều hành,





Đoàn Thị Mai Hương
Giám đốc Công ty

Ngày 13 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0173/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất, được lập ngày 14 tháng 02 năm 2015, từ trang 09 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2013, Công ty đã trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi Công ty cổ phần liên doanh Nhà Việt với số tiền là 90.442.663.543 VND do các năm trước đây trích lập chưa đầy đủ. Vấn đề này làm ảnh hưởng đến số liệu so sánh của Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014.



Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, năm nay Công ty đã hoàn nhập số dư các khoản dự phòng đã trích lập từ các năm trước với tổng số tiền là 379.133.199.636 VND và không xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi và giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, nếu thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành thì Công ty phải trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi và giảm giá các khoản đầu tư tài chính trong năm nay với số tiền là 325.663.286.178 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về một số nguyên tắc áp dụng khi xử lý tài chính, hạch toán và lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần theo Thông tư 127/2014/TT-BTC.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1257-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 845.605.727.100 | 956.612.440.629 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 405.608.843.697 | 466.595.788.342 |
| 1. Tiền | 111 | | 126.608.843.697 | 139.056.547.870 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 279.000.000.000 | 327.539.240.472 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 28.851.577.500 | 106.851.577.500 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 28.851.577.500 | 142.703.950.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | - | (35.852.372.500) |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 165.016.337.519 | 131.603.821.186 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.4 | 89.146.092.375 | 75.309.913.589 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 16.441.618.244 | 13.915.728.981 |
| 3. Phải thu nội bộ | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | V.6 | 59.428.626.900 | 71.414.551.238 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | V.7 | - | (29.036.372.622) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 223.450.617.261 | 238.930.653.706 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 223.450.617.261 | 241.018.576.742 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.9 | - | (2.087.923.036) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 22.678.351.123 | 12.630.599.895 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | 7.976.081.821 | 6.962.142.876 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 9.442.105.564 | 2.459.863.765 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.28 | 4.454.389.819 | 231.995.955 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.11 | 805.773.919 | 2.976.597.299 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.128.028.089.189 | 606.780.632.850 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 396.435.863.677 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | V.12 | 396.435.863.677 | 295.347.222.331 |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | V.13 | - | (295.347.222.331) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 302.877.104.938 | 210.249.689.345 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.14 | 247.174.482.783 | 169.852.823.805 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 511.083.286.453 | 443.871.594.739 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (263.908.803.670) | (274.018.770.934) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.15 | 30.352.557.071 | 20.976.042.314 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 36.403.102.398 | 24.551.532.373 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (6.050.545.327) | (3.575.490.059) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.16 | 25.350.065.084 | 19.420.823.226 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.17 | 22.305.815.446 | 20.278.863.188 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 28.068.170.536 | 24.976.237.600 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (5.762.355.090) | (4.697.374.412) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 330.295.718.487 | 279.708.111.720 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.18 | 149.376.730.000 | 149.376.730.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.19 | 39.732.051.987 | 39.732.051.987 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.20 | 141.186.936.500 | 107.408.638.880 |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn | 259 | V.21 | - | (16.809.309.147) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 76.113.586.641 | 96.543.968.597 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.22 | 50.461.220.600 | 8.032.725.454 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.23 | 2.166.141.436 | 65.238.857.138 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.24 | 23.486.224.605 | 23.272.386.005 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.973.633.816.289 | 1.563.393.073.479 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

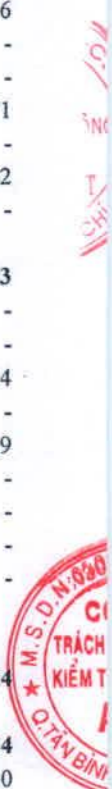
Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 660.361.922.700 | 651.738.378.695 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 660.012.960.700 | 645.915.823.242 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.25 | 118.922.825.581 | 112.189.768.548 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.26 | 293.941.613.299 | 361.862.417.234 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.27 | 4.488.133.154 | 5.682.959.969 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.28 | 13.196.973.206 | 38.692.707.859 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.29 | 110.489.885.728 | 58.577.153.383 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 327.393.090 | 267.102.496 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.30 | 67.409.634.631 | 37.000.817.671 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.31 | 51.236.502.011 | 31.642.896.082 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 348.962.000 | 5.822.555.453 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 348.962.000 | 436.424.144 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | V.32 | - | 5.386.131.309 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.313.271.893.589 | 911.654.694.784 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.313.271.893.589 | 911.654.694.784 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.33 | 1.202.352.122.804 | 887.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | V.33 | 110.919.770.785 | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.33 | - | 24.654.694.784 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.973.633.816.289 | 1.563.393.073.479 |



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|----------------|----------------|
| | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | V.35 | 35.292.696.085 | 29.281.090.938 |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | 617.946.677 | 617.946.677 |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| - Dollar Úc (AUD) | | 7.015,00 | 4.890,00 |
| - Bạc Thái Lan (BHT) | | 48.020,00 | 24.650,00 |
| - Dollar Canada (CAD) | | 2.385,00 | 500,00 |
| - Euro (EUR) | | 12.857,29 | 31.522,56 |
| - Bảng Anh (GBP) | | 835,01 | 785,00 |
| - Franc Thụy Sĩ (CHF) | | 450,00 | 350,00 |
| - Dollar Hồng Kông (HKD) | | 11.250,00 | 3.380,00 |
| - Yên Nhật (JPY) | | 536.000,00 | 845.000,00 |
| - Dollar Singapore (SGD) | | 10.906,00 | 5.512,00 |
| - Dollar Mỹ (USD) | | 3.667.400,55 | 3.787.220,83 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015

meubz

Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu

na

Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng



Mai Hương
Đoàn Thị Mai Hương
Giám đốc Công ty

T. C. P. * H. M. H. M. H.

044
ÔN
NHỊ
OÁN
18
1-T.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

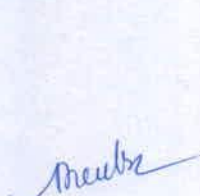
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 2.043.723.600.577 | 2.012.995.303.195 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 03 | VI.1 | 3.654.170.025 | 4.614.497.759 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 2.040.069.430.552 | 2.008.380.805.436 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.418.648.455.352 | 1.381.161.132.279 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 621.420.975.200 | 627.219.673.157 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 74.847.253.967 | 105.155.904.442 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 40.116.641.817 | 25.302.765.014 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.973.086.787 | 2.429.075.383 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 354.168.810.030 | 342.667.197.863 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 188.251.572.941 | 270.337.630.584 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 113.731.204.379 | 94.067.984.138 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 43.294.909.334 | 29.535.822.348 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 11.179.856.377 | 1.085.021.319 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 32.115.052.957 | 28.450.801.029 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 145.846.257.336 | 122.518.785.167 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.28 | 40.166.597.421 | 47.475.034.850 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | (6.094.492.439) | (17.316.144.218) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>111.774.152.354</u> | <u>92.359.894.535</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | <u>-</u> | <u>-</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015



Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng



Đoàn Thị Mai Hương
Giám đốc Công ty

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 145.846.257.336 | 122.518.785.167 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.14,V.15, V.17 | 40.052.005.076 | 36.439.200.973 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | 134.445.761.439 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.3,VI.4 | 33.223.998.210 | (16.291.864.387) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3,VI.4, VI.7,VI.8 | (73.054.873.776) | (88.356.380.673) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 1.973.086.787 | 2.429.075.383 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 148.040.473.633 | 191.184.577.902,00 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (16.736.901.268) | (45.899.421.864) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 17.567.959.481 | 27.673.761.798 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (34.359.553.665) | (54.972.919.971) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.008.010.370 | 3.318.047.215 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (2.007.062.205) | (2.302.656.525) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.29 | (65.304.118.255) | (31.419.837.917) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 4.360.509.266 | 617.272.043 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (47.006.873.117) | (83.364.903.868) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 6.562.444.240 | 4.833.918.813,00 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.12,V.14, V.16, VII | (162.050.754.877) | (140.705.463.753) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7,VI.8 | 1.338.893.877 | 3.399.774.308 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (78.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2 | 78.000.000.000 | 218.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.6;VI.3 | 56.686.144.419 | 97.878.029.118 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (26.025.716.581) | 100.572.339.673 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

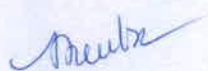
Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.25 | 524.450.242.864 | 492.932.603.443 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.25 | (517.978.834.171) | (468.743.050.719) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.30,V.33 | (48.013.435.728) | (4.853.457.216) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (41.542.027.035) | 19.336.095.508 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (61.005.299.376) | 124.742.353.994 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 466.595.788.342 | 342.036.370.774 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 18.354.731 | (182.936.426) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 405.608.843.697 | 466.595.788.342 |



Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015




Đoàn Thị Mai Hương
Giám đốc Công ty

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên Nhà Nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, Thương mại, Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước nắm; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đối ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ xoa bóp đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 1.733 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.852 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, Công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Công văn số 12348/BGTVT-QLDN ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty là 1.989.664.645.727 VND theo Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty tăng từ 887.000.000 VND lên 1.313.271.893.589 VND. Các số liệu do xác định lại giá trị doanh nghiệp đều đã được ghi nhận trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 07 tháng 7 năm 2014, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 2572/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất thành công ty cổ phần. Theo đó, cổ phần phát hành lần đầu là 1.315.000.000 VND tương đương 131.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND; cổ phần nhà nước là 67.065.000 cổ phần, chiếm 51,00% vốn điều lệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Doanh thu, giá vốn giữa các đơn vị trực thuộc chưa được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng hóa của cửa hàng miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 25 |
| Máy móc thiết bị | 02 – 06 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 1,5 – 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 – 06 |

6. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. **Tài sản thuê hoạt động**

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 36 – 47 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư vào các dự án trồng cao su, khu du lịch và các dự án bất động sản khác. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và xây dựng không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, chi phí vận chuyển, bản quyền diệt virus, ... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH một thành viên dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 03 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo hướng dẫn của thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cụ thể như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|-------------------------|---|--|----------------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | Tối thiểu 30% lợi nhuận được phân phối | |



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|---|--|---------------------------------------|--|
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | Theo kết quả phân loại doanh nghiệp | Không quá 03 tháng lương thực hiện. |
| • Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho viên chức quản lý | Theo kết quả phân loại doanh nghiệp | Không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý. |

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.371 VND/USD
25.898 VND/EUR
31/12/2013: 21.083 VND/USD
28.994 VND/EUR

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

818
TY
HỮU
VÀ TU
C
HỒ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 7.543.934.516 | 6.459.468.365 |
| Tiền gửi ngân hàng | 118.348.874.092 | 131.644.312.562 |
| Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾ | 716.035.089 | 952.766.943 |
| Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾ | 279.000.000.000 | 327.539.240.472 |
| Cộng | <u>405.608.843.697</u> | <u>466.595.788.342</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Thẻ tín dụng thu của khách hàng.
(ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | | 28.851.577.500 | | 64.703.950.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á ⁽ⁱ⁾ | 3.410.000 | 28.644.000.000 | 3.410.000 | 63.671.700.000 |
| Công ty cổ phần được Cần Giờ ⁽ⁱ⁾ | 53.225 | 207.577.500 | 53.225 | 1.032.250.000 |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng | | - | | 78.000.000.000 |
| Cộng | | 28.851.577.500 | | 142.703.950.000 |

- (i) Giá trị của các cổ phiếu đầu tư ngắn hạn trong năm đã được ghi nhận lại theo Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 35.852.372.500 | 19.405.913.150 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | | 16.446.459.350 |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa | (35.852.372.500) | - |
| Số cuối năm | - | 35.852.372.500 |

4. Phải thu của khách hàng

Chi tiết phải thu khách hàng tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Văn phòng Công ty | 3.791.165.680 | 7.328.351.344 |
| Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 68.209.189.343 | 60.187.823.925 |
| Chi nhánh Phú Quốc | 1.735.452.252 | 1.656.933.216 |
| Chi nhánh Hà Nội | 15.410.285.100 | 6.136.805.104 |
| Cộng | 89.146.092.375 | 75.309.913.589 |

5. Trả trước cho người bán

Chi tiết trả trước cho người bán tại từng đơn vị trực thuộc như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Văn phòng Công ty | 4.673.628.139 | 8.117.763.651 |
| Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 8.724.255.105 | 2.783.565.330 |
| Chi nhánh Phú Quốc | 3.043.735.000 | 3.014.400.000 |
| Cộng | 16.441.618.244 | 13.915.728.981 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải thu hoàn thuế GTGT | - | 21.570.255.501 |
| Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH) | 33.871.161.007 | 26.015.309.924 |
| Phải thu tiền thuê đất - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất | 4.493.935.709 | 2.829.519.935 |
| Thu vốn và lãi bán nền Công ty TNHH một thành viên xây dựng & kinh doanh nhà Phú Nhuận | 2.430.156.375 | 2.430.156.375 |
| Lãi dự thu của các ngân hàng | 3.374.779.003 | 5.882.138.069 |
| Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Phải thu về cổ phần hóa | 2.449.117.047 | - |
| Các khoản phải thu khác | 2.809.477.759 | 2.687.171.434 |
| Cộng | <u>59.428.626.900</u> | <u>71.414.551.238</u> |

7. Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 29.036.372.622 | 6.327.410.671 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 22.708.961.951 |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa | (29.036.372.622) | - |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>29.036.372.622</u> |

8. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.756.203.663 | 3.188.212.313 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.408.070.339 | 830.675.874 |
| Thành phẩm | 402.456.988 | 263.008.278 |
| Hàng hóa | 217.857.910.372 | 236.698.269.825 |
| Hàng gửi đi bán | 25.975.899 | 38.410.452 |
| Cộng | <u>223.450.617.261</u> | <u>241.018.576.742</u> |

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.087.923.036 | 502.611.992 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 1.585.311.044 |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa | (2.087.923.036) | - |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>2.087.923.036</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 924.533.963 | 1.059.026.830 |
| Công cụ, dụng cụ (*) | 4.493.485.961 | 933.894.892 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 2.558.061.897 | 4.969.221.154 |
| Cộng | <u>7.976.081.821</u> | <u>6.962.142.876</u> |

(*) Trong đó công cụ, dụng cụ được ghi tăng theo Quyết định số 917/QĐ – BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 4.434.395.404 VND chưa được thực hiện phân bổ chi phí trong năm theo Thông tư 127/2014/TT-BTC.

11. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 173.342.819 | 895.082.117 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 632.431.100 | 2.081.515.182 |
| Cộng | <u>805.773.919</u> | <u>2.976.597.299</u> |

12. Phải thu dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản chi hộ cho Công ty liên doanh Nhà Việt (Viet Home GMBH) | 238.267.049.153 | 265.306.982.331 |
| Khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng cho Công ty xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) | 30.040.240.000 | 30.040.240.000 |
| Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án Sasco Nha Trang | 5.649.889.024 | - |
| Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án Vũng Bàu – Phú Quốc | 122.408.685.500 | - |
| Tiền hỗ trợ tháo dỡ dự án Sasco Nha Trang | 70.000.000 | - |
| Cộng | <u>396.435.863.677</u> | <u>295.347.222.331</u> |

13. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 295.347.222.331 | 201.642.193.237 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 93.705.029.094 |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa | (295.347.222.331) | - |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>295.347.222.331</u> |

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định hữu hình khác</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|--|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 41.012.023.783 | 24.106.015.311 | 319.373.501.914 | 4.497.321.473 | 54.882.732.258 | 443.871.594.739 |
| Mua sắm mới | - | 1.638.468.500 | 800.850.000 | 942.293.275 | 826.693.959 | 4.208.305.734 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 24.933.348.272 | 3.095.703.952 | - | - | 7.105.766.963 | 35.134.819.187 |
| Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*) | 39.581.691.058 | - | - | - | - | 39.581.691.058 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.705.949.450) | (1.099.918.329) | (2.023.653.641) | (621.717.705) | (6.261.885.140) | (11.713.124.265) |
| Số cuối năm | <u>103.821.113.663</u> | <u>27.740.269.434</u> | <u>318.150.698.273</u> | <u>4.817.897.043</u> | <u>56.553.308.040</u> | <u>511.083.286.453</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 5.418.297.206 | - | - | - | 2.671.735.878 | 8.090.033.084 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 25.471.306.954 | 21.028.171.884 | 171.992.983.199 | 3.862.252.990 | 51.664.055.907 | 274.018.770.934 |
| Khấu hao trong năm | 2.431.861.078 | 1.105.553.101 | 33.790.000.201 | 366.520.906 | 1.246.381.506 | 38.940.316.792 |
| Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (*) | 10.736.417.298 | - | - | - | - | 10.736.417.298 |
| Tăng do thanh lý tài sản đã xử lý xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa | - | 74.486.100 | 404.730.728 | 90.721.141 | 229.759.576 | 799.697.545 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.476.978.030) | (1.077.918.329) | (2.023.653.641) | (588.095.305) | (6.180.309.051) | (11.346.954.356) |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (*) | (793.886.715) | (4.502.702.606) | (33.406.884.762) | (762.842.099) | (9.773.128.361) | (49.239.444.543) |
| Số cuối năm | 36.368.720.585 | 16.627.590.150 | 170.757.175.725 | 2.968.557.633 | 37.186.759.577 | 263.908.803.670 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 15.540.716.829 | 3.077.843.427 | 147.380.518.715 | 635.068.483 | 3.218.676.351 | 169.852.823.805 |
| Số cuối năm | 67.452.393.078 | 11.112.679.284 | 147.393.522.548 | 1.849.339.410 | 19.366.548.463 | 247.174.482.783 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | 610.760.612 | 112.699.256 | 1.855.344.800 | - | - | 2.578.804.668 |

(*) Nguyên giá và giá trị hao mòn của tài sản cố định hữu hình đã được ghi nhận lại theo Quyết định số 917/QĐ-ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty chưa thực hiện khấu hao tài sản cố định theo nguyên giá đã được xác định lại trong năm theo Thông tư 127/2014/TT-BTC.

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Nhãn hiệu hàng hóa | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 22.720.182.335 | 100.555.555 | 1.730.794.483 | 24.551.532.373 |
| Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (*) | 11.851.570.025 | - | - | 11.851.570.025 |
| Số cuối năm | 34.571.752.360 | 100.555.555 | 1.730.794.483 | 36.403.102.398 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 100.555.555 | 1.693.649.483 | 1.794.205.038 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 1.774.103.545 | 95.925.927 | 1.705.460.587 | 3.575.490.059 |
| Khấu hao trong năm | 518.267.652 | 4.629.628 | 12.666.948 | 535.564.228 |
| Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (*) | 1.939.491.040 | - | - | 1.939.491.040 |
| Số cuối năm | 4.231.862.237 | 100.555.555 | 1.718.127.535 | 6.050.545.327 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Quyền sử dụng đất | Nhãn hiệu hàng hóa | Phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 20.946.078.790 | 4.629.628 | 25.333.896 | 20.976.042.314 |
| Số cuối năm | 30.339.890.123 | - | 12.666.948 | 30.352.557.071 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

(*) Nguyên giá và giá trị hao mòn của quyền sử dụng đất đã được ghi nhận lại theo Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty chưa thực hiện khấu hao theo nguyên giá đã được xác định lại trong năm theo Thông tư 127/2014/TT-BTC.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm | Kết chuyển chi phí trong năm | Số cuối năm |
|----------------------|-----------------------|--|---|---|-----------------------|
| Văn phòng Công ty | 19.284.056.764 | 43.317.549.582 | (33.070.158.676) | (4.353.410.398) | 25.178.037.272 |
| Chi nhánh Blue | - | 467.813.320 | (467.813.320) | - | - |
| Chi nhánh Phú Quốc | 136.766.462 | 1.221.170.441 | (1.185.909.091) | - | 172.027.812 |
| Trung tâm thương mại | - | 410.938.100 | (410.938.100) | - | - |
| Cộng | 19.420.823.226 | 45.417.471.443 | (35.134.819.187) | (4.353.410.398) | 25.350.065.084 |

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 24.976.237.600 | 4.697.374.412 | 20.278.863.188 |
| Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (*) | 3.091.932.936 | 488.856.622 | |
| Khấu hao trong năm | | 576.124.056 | |
| Số cuối năm | 28.068.170.536 | 5.762.355.090 | 22.305.815.446 |

(*) Nguyên giá và giá trị hao mòn của bất động sản đầu tư đã được ghi nhận lại theo Quyết định số 917/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty chưa thực hiện khấu hao theo nguyên giá đã được xác định lại trong năm theo Thông tư 127/2014/TT-BTC.

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

18. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395, đăng ký thay đổi lần 07 ngày 09 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 VND, tương đương 65% vốn điều lệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------|------------------------------|------------|------------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco ⁽ⁱ⁾ | - | 10.800.262.269 | - | 10.800.262.269 |
| Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.283.150 | 12.831.500.000 | 1.283.150 | 12.831.500.000 |
| Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | - | 14.900.289.718 | - | 14.900.289.718 |
| Công ty cổ phần phát triển vườn xanh ^(iv) | 1.200 | 1.200.000.000 | 1.200 | 1.200.000.000 |
| Cộng | | <u>39.732.051.987</u> | | <u>39.732.051.987</u> |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5602000027 ngày 12 tháng 4 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.283.150 cổ phiếu, tương đương 28,51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh ngày 08 tháng 6 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt (Viet Home GMBH), 29% vốn điều lệ.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483 ngày 03 tháng 7 năm 2010, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty cổ phần phát triển vườn xanh.

20. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-------------------------------|------------|-------------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài | 369.600 | 8.696.000.000 | 369.600 | 8.696.000.000 |
| Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài ⁽ⁱ⁾ | 800.045 | 11.810.450.000 | 500.000 | 8.810.000.000 |
| Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng ⁽ⁱⁱ⁾ | 296.391 | 25.193.235.000 | 296.391 | 2.745.452.880 |
| Công ty cổ phần công trình Hàng Không | 500.000 | 5.000.000.000 | 500.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.473.229 | 44.732.290.000 | 1.444.201 | 44.442.010.000 |
| Công ty cổ phần thương mại Sabeco Trung tâm | 7.000 | 70.000.000 | 7.000 | 70.000.000 |
| Công ty cổ phần du lịch thung lũng tình yêu Đà Lạt | 165.600 | 11.542.176.000 | 165.600 | 11.542.176.000 |
| Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp | 170.000 | 4.930.000.000 | 170.000 | 4.930.000.000 |
| Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất ^(iv) | - | 15.464.785.500 | - | 7.425.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên Nhà Phú Nhuận | - | 10.948.000.000 | - | 10.948.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Phú Quốc | - | 2.800.000.000 | - | 2.800.000.000 |
| Cộng | | <u>141.186.936.500</u> | | <u>107.408.638.880</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Cổ phiếu Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội Bài tăng do Công ty được chia 300.345 cổ phiếu thưởng tương đương 3.000.450.000 VND tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- (ii) Trong năm Công ty đã ghi nhận tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng với số tiền là 7.035.450.120 VND theo Quyết định số 917QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về phê duyệt bổ sung vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã căn cứ giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) định giá lại khoản đầu tư trên và hạch toán vào kết quả kinh doanh với số tiền 15.412.332.000 VND theo hướng dẫn của Thông tư 127/2014/TT-BTC.

- (iii) Cổ phiếu Công ty cổ phần địa ốc Thảo Điền tăng do trong năm Công ty được chia 29.028 cổ phiếu thưởng tương đương 290.280.000 VND do được trả cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv) Trong năm Công ty đã ghi nhận tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất với số tiền 8.039.785.500 VND theo Quyết định số 917QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về phê duyệt bổ sung vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

21. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|----------------|
| Số đầu năm | 16.809.309.147 | 16.809.309.147 |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa | (16.809.309.147) | - |
| Số cuối năm | - | 16.809.309.147 |

22. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Giảm khác | Số cuối năm |
|--------------------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 3.596.983.288 | 4.915.982.036 | - | (3.146.714.286) | (91.485.213) | 5.274.765.825 |
| Chi phí sửa chữa lớn | 1.178.107.242 | 6.533.450.820 | - | (2.936.396.614) | - | 4.775.161.448 |
| Lợi thế thương mại | - | - | 38.750.561.695 | - | - | 38.750.561.695 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 3.257.634.924 | 745.671.973 | - | (2.342.575.265) | - | 1.660.731.632 |
| Cộng | <u>8.032.725.454</u> | <u>12.195.104.829</u> | <u>38.750.561.695</u> | <u>(8.425.686.165)</u> | <u>(91.485.213)</u> | <u>50.461.220.600</u> |

23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 65.238.857.138 | 44.523.030.857 |
| Số phát sinh | 708.361.130 | 20.715.826.281 |
| Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa | (63.781.076.832) | - |
| Số cuối năm | <u>2.166.141.436</u> | <u>65.238.857.138</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Tài sản dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Ký quỹ thuê mặt bằng Berlin | 15.020.550.000 | 16.816.711.400 |
| Ký quỹ thực hiện dự án khu du lịch Suối Hoa | 4.763.450.000 | 4.763.450.000 |
| Ký quỹ dài hạn khác | 3.702.224.605 | 1.692.224.605 |
| Cộng | <u>23.486.224.605</u> | <u>23.272.386.005</u> |

25. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh Chi nhánh 7 ⁽ⁱ⁾ | 37.178.146.400 | - |
| Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | - | 20.888.818.408 |
| Ngân hàng thương mại Chinatrust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 16.584.162.952 | 36.840.729.721 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam | - | 27.505.808.337 |
| Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 65.160.516.229 | 26.954.412.082 |
| Cộng | <u>118.922.825.581</u> | <u>112.189.768.548</u> |

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - TP. Hồ Chí Minh Chi nhánh 7 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên độ thỏa thuận, thời hạn vay 3 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại Chinatrust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên độ thỏa thuận, thời hạn vay 3 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng với biên độ thỏa thuận, thời hạn vay 3 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

| | <u>Năm nay</u> |
|--|-------------------------------|
| Số đầu năm | 112.189.768.548 |
| Số tiền vay phát sinh | 524.450.242.864 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trong năm | 261.648.340 |
| Số tiền vay đã trả | <u>(517.978.834.171)</u> |
| Số cuối năm | <u>118.922.825.581</u> |

26. Phải trả cho người bán

Chi tiết phải trả cho người bán tại từng đơn vị trực thuộc như sau :

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Văn phòng Công ty | 41.003.198.438 | 8.147.207.941 |
| Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 35.424.405.194 | 35.957.879.347 |
| Chi nhánh Phú Quốc | 2.366.801.995 | 2.765.412.289 |
| Chi nhánh Hà Nội | 728.650.000 | 226.161.000 |
| Phòng kinh doanh hàng miễn thuế | 214.418.557.672 | 314.765.756.657 |
| Cộng | <u>293.941.613.299</u> | <u>361.862.417.234</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

27. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Trả trước tiền thuê mặt bằng | 2.341.624.729 | 3.367.504.518 |
| Người mua trả tiền trước khác | 2.146.508.425 | 2.315.455.451 |
| Cộng | <u>4.488.133.154</u> | <u>5.682.959.969</u> |

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 832.601.347 | 6.850.160.445 | (6.379.188.851) | 1.303.572.941 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 1.850.272.010 | (1.850.272.010) | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 1.072.766.971 | 3.668.180.701 | (4.477.167.042) | 263.780.630 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 436.105.680 | (436.105.680) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 36.754.729.666 | 40.166.597.421 | (65.304.118.255) | 11.617.208.832 |
| Thuế thu nhập cá nhân (*) | (202.065.020) | 3.807.298.282 | (8.059.623.081) | (4.454.389.819) |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 6.161.497.766 | (6.161.497.766) | - |
| Các loại thuế khác | 2.678.940 | 4.471.470.276 | (4.461.738.413) | 12.410.803 |
| Cộng | <u>38.460.711.904</u> | <u>67.411.582.581</u> | <u>(97.129.711.098)</u> | <u>8.742.583.387</u> |

(*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở khoản mục Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

| | |
|---|-----------------|
| - Kinh doanh hàng miễn thuế, sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ | 0% |
| - Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác | 05% - 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 145.846.257.336 | 122.518.785.167 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 45.902.088.621 | 133.567.406.410 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (1.929.861.107) | (16.536.618.058) |
| Thu nhập chịu thuế | 189.818.484.850 | 239.549.573.519 |
| Thu nhập được miễn thuế | (33.768.978.739) | (49.649.434.121) |
| Thu nhập tính thuế | 156.049.506.111 | 189.900.139.398 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | <u>34.330.891.344</u> | <u>47.475.034.850</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i> | 5.835.706.077 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 40.166.597.421 | 47.475.034.850 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

29. Phải trả người lao động

Quỹ lương được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ lương viên chức quản lý được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

30. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 250.536.010 | 258.043.920 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 25.550.993 | 22.820.821 |
| Nhận ký quỹ | 1.905.049.458 | 1.591.917.707 |
| Lợi nhuận và các quỹ phải nộp về Tổng Công ty cảng hàng không Miền Nam | 52.822.773.772 | 26.726.856.788 |
| Trả trước tiền thuê mặt bằng quảng cáo | 331.300.000 | 1.100.475.573 |
| Phải trả cổ phần hóa | 4.640.386.093 | - |
| Các khoản phải trả khác | 7.434.038.305 | 7.300.702.862 |
| Cộng | 67.409.634.631 | 37.000.817.671 |

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Trích lập từ lợi nhuận trong năm | | Trích lập từ lợi nhuận năm trước | | Số cuối năm |
|-----------------|----------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Số đầu năm | | | Chi quỹ trong năm | |
| Quỹ khen thưởng | 18.582.535.460 | 35.470.405.136 | 882.964.510 | (21.904.450.460) | 33.031.454.646 |
| Quỹ phúc lợi | 12.791.052.296 | 23.646.936.758 | 2.060.250.522 | (20.579.060.544) | 17.919.179.032 |
| Quỹ khác | 269.308.326 | 258.937.500 | - | (242.377.493) | 285.868.333 |
| Cộng | 31.642.896.082 | 59.376.279.394 | 2.943.215.032 | (42.725.888.497) | 51.236.502.011 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**32. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 5.386.131.309 | 1.986.449.246 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | - | 3.399.682.063 |
| Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước | <u>(5.386.131.309)</u> | - |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>5.386.131.309</u> |

33. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 46.

34. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược

Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi của các khách hàng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tổng doanh thu | 2.043.723.600.577 | 2.012.995.303.195 |
| - Doanh thu Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 1.056.306.093.184 | 1.024.728.010.857 |
| - Doanh thu phòng kinh doanh hàng miễn thuế | 794.490.394.846 | 812.529.841.628 |
| - Doanh thu cho thuê mặt bằng quảng cáo | 3.448.910.884 | 20.627.468.586 |
| - Doanh thu Chi nhánh Phú Quốc | 107.763.240.873 | 100.343.612.769 |
| - Doanh thu Chi nhánh Hà Nội | 77.395.567.855 | 50.950.548.402 |
| - Doanh thu dịch vụ khác | 4.319.392.935 | 3.815.820.953 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (3.654.170.025) | (4.614.497.759) |
| - Hàng bán bị trả lại | (9.402.912) | (23.104.963) |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | (3.644.767.113) | (4.590.376.783) |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | (1.016.013) |
| Doanh thu thuần | <u>2.040.069.430.552</u> | <u>2.008.380.805.436</u> |

Trong đó:

| | | |
|---|-------------------|-------------------|
| - Doanh thu thuần Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 1.052.721.830.461 | 1.020.190.536.100 |
| - Doanh thu thuần Phòng kinh doanh hàng miễn thuế | 794.487.703.486 | 812.529.841.628 |
| - Doanh thu thuần cho thuê mặt bằng quảng cáo | 3.448.910.884 | 20.627.468.586 |
| - Doanh thu thuần Chi nhánh Phú Quốc | 107.696.024.931 | 100.266.589.767 |
| - Doanh thu thuần Chi nhánh Hà Nội | 77.395.567.855 | 50.950.548.402 |
| - Doanh thu thuần dịch vụ khác | 4.319.392.935 | 3.815.820.953 |

Doanh thu trên bao gồm cả doanh thu tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc với nhau là 20.697.724.167 VND (năm trước là 19.539.467.583 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn văn phòng Công ty | 3.379.097.294 | 19.507.341.267 |
| Giá vốn Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất | 618.904.829.414 | 605.485.983.977 |
| Giá vốn Phòng kinh doanh hàng miễn thuế | 623.106.581.945 | 617.072.083.596 |
| Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc | 98.546.371.841 | 90.060.833.027 |
| Giá vốn Chi nhánh Hà Nội | 74.711.574.858 | 49.034.890.412 |
| Cộng | <u>1.418.648.455.352</u> | <u>1.381.161.132.279</u> |

Chi tiết giá vốn hàng bán theo khoản mục:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn hàng mua | 1.214.748.084.812 | 1.180.851.852.879 |
| Giá thành sản xuất xuất bán | 2.033.947.294 | 4.783.577.306 |
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 58.917.048.931 | 54.392.404.303 |
| Chi phí nhân công trực tiếp | 31.727.234.782 | 28.862.101.394 |
| Chi phí sản xuất chung | 111.222.139.533 | 112.271.196.397 |
| Cộng | <u>1.418.648.455.352</u> | <u>1.381.161.132.279</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 581.245.209 | 641.041.114 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 23.700.536.614 | 35.870.632.307 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia (*) | 33.768.978.739 | 49.649.434.121 |
| Định giá lại cổ phiếu theo giá trị trường (**) | 15.412.332.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.381.739.368 | 2.239.463.878 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 2.422.037 | 16.714.828.402 |
| Chiết khấu thanh toán | - | 40.504.620 |
| Cộng | <u>74.847.253.967</u> | <u>105.155.904.442</u> |

(*) Trong đó, giá trị cổ phiếu thưởng được chia ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo hướng dẫn Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính với số tiền là 3.290.730.000 VND.

(**) Công ty đã căn cứ giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) định giá lại khoản đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng và hạch toán vào kết quả kinh doanh với số tiền 15.412.332.000 VND theo hướng dẫn của Thông tư 127/2014/TT-BTC. /

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.973.086.787 | 2.429.075.383 |
| (Hoàn nhập)/ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, ngắn hạn | - | 16.446.459.350 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 4.915.210.159 | 6.004.266.266 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 33.226.420.247 | 422.964.015 |
| Chi phí tài chính khác | 1.924.624 | - |
| Cộng | <u>40.116.641.817</u> | <u>25.302.765.014</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 94.001.884.889 | 88.491.572.205 |
| Chi phí vật liệu | 4.568.858.789 | 4.469.986.834 |
| Chi phí dụng cụ | 6.114.339.094 | 4.761.830.778 |
| Chi phí khấu hao | 1.069.614.211 | 1.383.655.381 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 195.945.079.841 | 190.733.515.463 |
| Chi phí khác | 52.469.033.206 | 52.826.637.202 |
| Cộng | <u>354.168.810.030</u> | <u>342.667.197.863</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 138.238.601.356 | 108.229.296.390 |
| Chi phí vật liệu | 534.546.428 | 565.800.543 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.474.876.314 | 1.170.900.911 |
| Chi phí khấu hao | 2.486.254.597 | 2.598.078.248 |
| Thuế, phí, lệ phí | 5.797.652.260 | 3.613.811.189 |
| Chi phí dự phòng | - | 116.413.991.045 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.022.829.153 | 16.061.952.163 |
| Chi phí khác | 27.696.812.833 | 21.683.800.095 |
| Cộng | <u>188.251.572.941</u> | <u>270.337.630.584</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 1.398.032.346 | 3.416.698.126 |
| Thu nhập từ hỗ trợ | 8.334.258.490 | 6.957.353.336 |
| Thu nhập từ bù lãi gộp kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế | 30.655.529.523 | 16.788.160.044 |
| Thu nhập khác | 2.907.088.975 | 2.373.610.842 |
| Cộng | <u>43.294.909.334</u> | <u>29.535.822.348</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 1.165.867.454 | 563.460.063 |
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 59.138.469 | 16.923.818 |
| Thanh lý công cụ dụng cụ | 637.845.457 | - |
| Kết chuyển vào chi phí các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang không thực hiện | 4.297.876.706 | - |
| Chi phí khác | 5.019.128.291 | 504.637.438 |
| Cộng | <u>11.179.856.377</u> | <u>1.085.021.319</u> |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|--------------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (708.361.130) | (20.715.826.281) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | (5.386.131.309) | 3.399.682.063 |
| Cộng | <u>(6.094.492.439)</u> | <u>(17.316.144.218)</u> |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 79.711.969.501 | 73.552.875.385 |
| Chi phí nhân công | 265.396.305.917 | 226.369.166.489 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 40.052.005.076 | 36.439.200.973 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 269.269.516.583 | 272.066.117.041 |
| Chi phí dự phòng | - | 116.413.991.045 |
| Chi phí khác | 92.032.793.159 | 84.202.048.127 |
| Cộng | <u>746.462.590.236</u> | <u>809.043.399.060</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 15.703.596.824 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban điều hành và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 2.197.752.939 | 2.152.426.800 |
| Tiền thưởng | 530.819.504 | 621.043.400 |
| Thu nhập khác | 67.250.000 | - |
| Cộng | <u>2.795.822.443</u> | <u>2.773.470.200</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam | Công ty chủ sở hữu |
| Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất | Công ty con |
| Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco | Công ty liên doanh |
| Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần phát triển vườn xanh | Công ty liên kết |
| Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt | Công ty liên kết |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam | | |
| Lợi nhuận và các quỹ phải nộp | 74.109.352.712 | 31.580.314.004 |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | 190.742.015.157 | 192.984.829.802 |
| Cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 27.854.051.629 | 20.539.975.469 |
| Tiền bán cổ phần phải nộp | 990.210.826.000 | - |
| Tiền lãi phải nộp | 1.533.286.005 | - |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 282.987.400 | 720.265.836 |
| Chi hệ | 184.915.330 | 103.360.754 |
| Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco | | |
| Mua hàng | 1.995.942.000 | 2.785.872.075 |
| Lãi liên doanh được chia | 625.992.264 | 903.496.023 |
| Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay | | |
| Mua hàng | 6.166.502.650 | 3.540.078.550 |
| Công ty cổ phần phát triển vườn xanh | | |
| Bán hàng | 348.772.049 | 324.658.409 |
| Mua hàng và dịch vụ | 25.131.879.484 | 25.355.773.105 |
| Thu chi hệ | 1.916.750 | - |
| Cổ tức nhận được | 336.000.000 | - |
| Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt | | |
| Các khoản chi hệ về thuê mặt bằng | 10.283.696.216 | 10.284.764.561 |
| Mua hàng và dịch vụ | 1.563.576.951 | 807.248.609 |
| Cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 826.546.376 | 4.060.693.405 |
| Thu chi hệ | 167.788.581 | - |
| Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận. | | |
| Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam | | |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 2.850.657.310 | 1.536.335.547 |
| Phải thu về cổ phần hóa | 2.449.117.047 | - |
| Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất | | |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 12.000.000 | 28.072.596 |
| Thu hệ | - | 15.214.513 |
| Công ty cổ phần phát triển vườn xanh | | |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 10.523.150 | 11.652.740 |
| Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt | | |
| Các khoản thu chi hệ | 272.138.210.160 | 291.322.292.255 |
| Các khoản phải thu khác và cung cấp hàng hóa dịch vụ | 4.589.466.512 | 4.200.213.246 |
| Phải thu chi hệ tiền thuế | 339.747.773 | 363.122.986 |
| Cộng nợ phải thu | <u>282.389.721.952</u> | <u>297.476.903.883</u> |
| Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam | | |
| Phải trả do mua hàng | 16.092.051.137 | 5.345.759.765 |
| Lợi nhuận và các quỹ phải nộp | 52.822.773.772 | 26.726.856.788 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 4.640.386.093 | - |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco</i> Phải trả do mua hàng | - | 46.200.000 |
| <i>Công ty cổ phần Sài Gòn sân bay</i> Phải trả do mua dịch vụ | 884.200.600 | 459.676.500 |
| <i>Công ty cổ phần phát triển vườn xanh</i> Phải trả do mua hàng và dịch vụ | 2.081.715.585 | 2.622.161.285 |
| <i>Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt</i> Phải trả do mua hàng và dịch vụ | 1.175.482.346 | 584.650.658 |
| Cộng nợ phải trả | <u>77.696.609.533</u> | <u>35.785.304.996</u> |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Khoản phải thu từ Công ty liên doanh cổ phần Nhà Việt với số tiền là 277.067.424.445 VND là khó có khả năng thu hồi, tuy nhiên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản công nợ phải thu này do thực hiện theo qui định của Thông tư 127/2014/TT-BTC.

2. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 9.586.832.711 | 5.874.148.372 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 33.373.587.853 | 10.003.946.640 |
| Trên 05 năm | 272.479.293.249 | 86.860.039.695 |
| Cộng | <u>315.439.713.813</u> | <u>102.738.134.707</u> |

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 3.067.943.455 | 4.344.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 175.000.000 | 2.700.500.000 |
| Cộng | <u>3.242.943.455</u> | <u>7.044.500.000</u> |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, thời gian tín dụng tối đa là 30 ngày, không cho tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 405.608.843.697 | - | - | 405.608.843.697 |
| Phải thu khách hàng | 79.274.309.507 | 9.871.782.868 | - | 89.146.092.375 |
| Các khoản phải thu khác | 37.718.088.231 | 302.518.197.933 | - | 340.236.286.164 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 170.038.514.000 | - | - | 170.038.514.000 |
| Cộng | 692.639.755.435 | 312.389.980.801 | - | 1.005.029.736.236 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 466.595.788.342 | - | - | 466.595.788.342 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 78.000.000.000 | - | - | 78.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 71.495.929.993 | - | 3.813.983.596 | 75.309.913.589 |
| Các khoản phải thu khác | 37.429.617.171 | - | 321.362.532.255 | 358.792.149.426 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 102.478.638.880 | - | 69.633.950.000 | 172.112.588.880 |
| Cộng | 755.999.974.386 | - | 394.810.465.851 | 1.150.810.440.237 |

Chi tiết thời gian quá hạn của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

| | Quá hạn dưới 06 tháng | Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm | Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm | Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm | Quá hạn trên 03 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------|---|---|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu khách hàng | 1.139.810.871 | 13.966.265 | 368.119.135 | 3.088.179.790 | 5.261.706.807 | 9.871.782.868 |
| Các khoản phải thu khác | - | - | - | - | 302.518.197.933 | 302.518.197.933 |
| Cộng | 1.139.810.871 | 13.966.265 | 368.119.135 | 3.088.179.790 | 307.779.904.740 | 312.389.980.801 |

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 01 năm trở xuống</u> | <u>Trên 01 năm đến 05 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Vay và nợ | 119.141.139.965 | - | 119.141.139.965 |
| Phải trả người bán | 293.941.613.299 | - | 293.941.613.299 |
| Các khoản phải trả khác | 67.129.640.718 | 348.962.000 | 67.478.602.718 |
| Cộng | 480.212.393.982 | 348.962.000 | 480.561.355.982 |
| | | | |
| Số đầu năm | | | |
| Vay và nợ | 112.693.410.487 | - | 112.693.410.487 |
| Phải trả người bán | 361.862.417.234 | - | 361.862.417.234 |
| Các khoản phải trả khác | 34.575.526.887 | 436.424.144 | 35.011.951.031 |
| Cộng | 509.131.354.608 | 436.424.144 | 509.567.778.752 |

Ban điều hành cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho việc kinh doanh hàng miễn thuế và các khoản chi trả hộ chi phí dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|----------------------|---------------|------------------------|-------------------|---------------|
| | USD | EUR | GBP | USD | EUR | GBP |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.667.400,55 | 12.857,29 | 835,01 | 3.787.220,83 | 31.522,56 | 785,00 |
| Phải thu khách hàng | 781.727,57 | 134.101,36 | - | 664.271,37 | 130.216,36 | - |
| Các khoản phải thu khác | 247.867,37 | 10.247.360,41 | - | - | 597.048,11 | - |
| Vay và nợ | (5.564.697,93) | - | - | (5.321.353,12) | - | - |
| Phải trả người bán | (10.033.183,27) | (45.389,80) | - | (14.929.879,64) | (20.164,31) | - |
| Các khoản phải trả khác | (29.236,95) | - | - | (18.982,20) | (10.100,00) | (490,00) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (10.930.122,66) | 10.348.929,26 | 835,01 | (15.818.722,76) | 728.522,72 | 295,00 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.643.967.362 VND (năm trước giảm/tăng 5.002.591.979 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR cũng như VND và GBP đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Nợ phải trả thuần của khoản vay có lãi suất thả nổi của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là USD 5,564,697.93 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là USD 5,321,353.12).

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản vay có lãi suất thả nổi có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban điều hành đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư có giá trị nhỏ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | | |
|---|--------------------------|----------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Giá trị hợp lý | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 405.608.843.697 | - | 466.595.788.342 | - | 405.608.843.697 | 466.595.788.342 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | 78.000.000.000 | - | - | 78.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 89.146.092.375 | - | 75.309.913.589 | (2.709.204.408) | 84.556.625.863 | 72.600.709.181 |
| Các khoản phải thu khác | 340.236.286.164 | - | 358.792.149.426 | (321.362.532.255) | 37.718.088.231 | 37.429.617.171 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 170.038.514.000 | - | 172.112.588.880 | (37.761.391.929) | 170.038.514.000 | 134.351.196.951 |
| Cộng | 1.005.029.736.236 | - | 1.150.810.440.237 | (361.833.128.592) | 697.922.071.791 | 788.977.311.645 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | |
|-------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Vay và nợ | 118.922.825.581 | 112.189.768.548 | 118.922.825.581 | 112.189.768.548 |
| Phải trả người bán | 293.941.613.299 | 361.862.417.234 | 293.941.613.299 | 361.862.417.234 |
| Các khoản phải trả khác | 67.478.602.718 | 35.011.951.031 | 67.478.602.718 | 35.011.951.031 |
| Cộng | 480.343.041.598 | 509.064.136.813 | 480.343.041.598 | 509.064.136.813 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

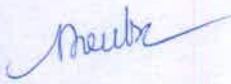
Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 03 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


5. Những thông tin khác

Trong năm, Công ty đã xử lý tài chính, hạch toán và lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần theo Thông tư 127/2014/TT-BTC. Một số nguyên tắc xử lý như sau:

- Báo cáo tài chính lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; không phải trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định.
- Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, Công ty đã điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán theo giá trị doanh nghiệp đã được công bố.
- Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa.
- Đối với cổ phiếu đã được nhận thêm mà không phải trả tiền, khi lập Báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, Công ty đã theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp, cụ thể: cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu), cổ phiếu nhận được không phải thanh toán (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), Công ty căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính (theo mệnh giá cổ phiếu) đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính.
- Xác định mức trích khấu hao tài sản cố định là mức khấu hao đã được xác định theo phương pháp khấu hao tài sản mà Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tại thời điểm Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, khi lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán phát sinh tăng hoặc giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán thì doanh nghiệp được hạch toán vào kết quả kinh doanh theo quy định.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2015


Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng


Đoàn Thị Mai Hương
Giám đốc Công ty



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 797.936.572.459 | - | - | 94.812.022.284 | 8.362.830.397 | 901.111.425.140 |
| Tăng vốn từ quỹ dự phòng tài chính | 94.812.022.284 | - | - | (94.812.022.284) | - | - |
| Chuyển quỹ về Công ty mẹ | (5.748.594.743) | - | (22.820.409.044) | - | - | (28.569.003.787) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 92.359.894.535 | 92.359.894.535 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | 22.820.409.044 | - | (73.056.719.931) | (50.236.310.887) |
| Phân phối lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | (3.011.310.217) | (3.011.310.217) |
| Số dư cuối năm trước | 887.000.000.000 | - | - | - | 24.654.694.784 | 911.654.694.784 |
| Số dư đầu năm nay | 887.000.000.000 | - | - | - | 24.654.694.784 | 911.654.694.784 |
| Xác định lại giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa | 315.352.122.804 | 110.919.770.785 | - | - | - | 426.271.893.589 |
| Chuyển quỹ về Công ty mẹ | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 111.774.152.354 | 111.774.152.354 |
| Trích lập các quỹ trong năm | - | - | - | - | (62.319.494.426) | (62.319.494.426) |
| Phân phối lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | (74.109.352.712) | (74.109.352.712) |
| Số dư cuối năm nay | 1.202.352.122.804 | 110.919.770.785 | - | - | - | 1.313.271.893.589 |

meubz

Tôn Nữ Diệu Trí
Người lập biểu



hu

Nguyễn Văn Hùng Cường
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Đoàn Thị Mai Hương
Giám đốc Công ty